



Bài báo nghiên cứu

THỰC TRẠNG Ô NHIỄM VÀ SUY THOÁI MÔI TRƯỜNG ĐẤT TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP Ở TỈNH VĨNH LONG

Huỳnh Phi Yến

Trường THPT Nguyễn Thông – Vĩnh Long

Tác giả liên hệ: Huỳnh Phi Yến – Email: phiyenhuynh007@gmail.com

Ngày nhận bài: 27-12-2018; ngày nhận bài sửa: 21-3-2019; ngày duyệt đăng: 16-7-2019

TÓM TẮT

Vĩnh Long là địa phương có nhiều thế mạnh để phát triển một nền nông nghiệp toàn diện theo hướng đa canh, thâm canh cùng những mô hình sản xuất cải tiến và hiện đại. Tuy nhiên trong thời gian gần đây, phát triển nông nghiệp ở tỉnh Vĩnh Long có ảnh hưởng đến môi trường rất lớn và có tác động không nhỏ đến sản xuất và đời sống của người dân địa phương. Bài báo tiến hành phân tích thực trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường đất trong phát triển nông nghiệp ở tỉnh Vĩnh Long, từ đó xác định được những nguyên nhân chính gây ô nhiễm và đề ra một số giải pháp khắc phục.

Từ khóa: ô nhiễm, suy thoái, môi trường đất, nông nghiệp, tỉnh Vĩnh Long.

1. Đặt vấn đề

Vĩnh Long là tỉnh nằm ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long – vùng trọng điểm nông nghiệp và an ninh lương thực của cả nước, là cầu nối của hai trung tâm kinh tế lớn là Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Cần Thơ; tỉnh có mật độ dân số cao, với 83,2%/dân số sống ở nông thôn và 51,8% dân số đang làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp – ngành đóng góp 33,1% GDP và 25% giá trị xuất khẩu của tỉnh (Vĩnh Long Statistical Office, 2017). Trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, sản xuất nông nghiệp luôn giữ vai trò quan trọng, hình thành một số vùng chuyên canh, đạt năng suất và chất lượng cao theo hướng sản xuất hàng hóa và tăng trưởng xanh, điển hình là một số cây đặc sản như: bưởi Năm roi ở Bình Minh, cam sành ở Tam Bình, khoai lang, nấm ở Bình Tân... Thế nhưng, để đạt được những thành quả trong sản xuất nông nghiệp, việc khai thác tài nguyên thiên nhiên đã và sẽ tác động đến môi trường thiên nhiên không nhỏ, đặc biệt là môi trường đất.

Cite this article as: Huỳnh Phi Yến (2019). Current situation and land environment in agricultural development in Vĩnh Long Province. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 16(9), 467-476.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này thực hiện bởi các dữ liệu được trích xuất từ các cuộc điều tra, khảo sát về dư lượng các chất gây ô nhiễm các loại đất trồng từ phân bón, thuốc trừ sâu được sử dụng trong phát triển nông nghiệp. Các cuộc điều tra, lấy mẫu trên các loại đất trồng, các loại cây chính, phổ biến tại tỉnh Vĩnh Long – Đất trồng lúa, trồng cây ăn quả và rau màu.

Bằng phương pháp so sánh và phân tích, nghiên cứu cho thấy tình trạng ô nhiễm và suy thoái của môi trường đất, từ đó chứng tỏ hiện trạng phát triển nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh đã có tác động đến môi trường như thế nào, trên cơ sở đó đề ra giải pháp bảo vệ môi trường đất cho phát triển bền vững.

2.2. Khái quát về tỉnh Vĩnh Long

Tỉnh Vĩnh Long có diện tích 1520,2 km², dân số là 1045,0 nghìn người (năm 2015). tỉnh có Quốc lộ 1A đi qua, Quốc lộ 53,54 nối với Trà Vinh, có cầu Mỹ Thuận nối liền 2 bờ sông Tiền và cầu Cần Thơ nối hai bờ sông Hậu nên giao thông đường thủy, đường bộ rất thuận tiện (Vinh Long Statistical Office, 2017). Vị trí này giúp cho Vĩnh Long trở thành trung tâm của vùng nông sản, thủy sản miền Tây Nam Bộ và được coi là đầu mối giao lưu của các tỉnh miền Tây với vùng kinh tế phát triển Đông Nam Bộ. Vĩnh Long nằm trong vùng ảnh hưởng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, giữa thành phố Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh. Những địa bàn này vừa là thị trường tiêu thụ lớn, vừa là các trung tâm hỗ trợ đầu tư cả về khoa học – kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý...

Địa hình của Vĩnh Long thấp và tương đối bằng phẳng, về cơ bản khá thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có tính chất thiên về cận xích đạo nóng quanh năm, không có tháng nào nhiệt độ dưới 20°C, biên độ nhiệt khoảng 3-4°C, chế độ mưa phù hợp với chế độ gió mùa. Lượng mưa trung bình từ 1400-1500mm, tập trung chủ yếu trong mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 11), tới 85% tổng lượng mưa cả năm (Vinh Long Statistical Office, 2017). Các đặc điểm khí hậu rất thích hợp cho phát triển nông nghiệp với cơ cấu cây trồng, vật nuôi phong phú đa dạng, đặc biệt là cho việc trồng lúa nước, cây ăn quả, cây rau đậu thực phẩm, nuôi lợn và thủy cầm. Tuy nhiên, vấn đề thủy lợi cần được quan tâm, nhất là giải quyết nước tưới cho các vùng thâm canh, chuyên canh (lúa, rau, đậu thực phẩm, cây ăn quả...) do sự phân hóa giữa mùa mưa và mùa khô sâu sắc. Hệ thống sông ngòi (sông Tiền và sông Hậu) cùng với hệ thống kênh Mương Lộ đã tạo cho các vùng cù lao sông nước với các vườn cây ăn trái đặc sản không chỉ có giá trị cho nông nghiệp mà còn phục vụ du lịch sinh thái – nông nghiệp, du lịch sông nước miệt vườn.

Đất đai màu mỡ, được bồi đắp phù sa hàng năm với ba nhóm đất chính: nhóm đất phù sa (30,3% diện tích tự nhiên cả nước), đất nhiễm phèn (57,5%) và nhóm đất cát (12,2%). Trong tổng diện tích tự nhiên (trên 152 nghìn ha), đất nông nghiệp chiếm 78,2%,

đất phi nông nghiệp chiếm 21,7% còn lại 0,1% là đất chưa sử dụng (Vinh Long People's Committee, 2016). Đất dành cho trồng cây hàng năm và lâu năm (trong đó chủ yếu là trồng lúa và cây ăn quả) chiếm tới 99,1% quỹ đất nông nghiệp và 77,6% quỹ đất tự nhiên.

Nông nghiệp Vĩnh Long chọn hướng phát triển trồng trọt là trồng cây ăn trái, lúa (luân canh lúa – cây trồng cạn, lúa – thủy sản) và rau thực phẩm an toàn, từng bước tiến tới rau sạch là những mặt hàng nông thủy sản chiến lược của nông nghiệp.

2.3. Thực trạng suy thoái và ô nhiễm môi trường đất trong phát triển nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long

2.3.1. Một số khái niệm liên quan

- Ô nhiễm môi trường đất: Là sự tích lũy trong môi trường đất các yếu tố vật chất trong quá trình sản xuất vượt quá tiêu chuẩn chất lượng môi trường, khiến cho môi trường trở nên độc hại đối với con người, vật nuôi, cây trồng. Ô nhiễm môi trường đất là yếu tố có thể định lượng được (Le, 2013).

- Suy thoái môi trường đất: Là sự giảm khả năng đáp ứng bốn chức năng của môi trường đất: mất an toàn nơi cư trú, nơi sản xuất nông nghiệp, cạn kiệt nguồn dưỡng chất, xả thải quá mức. Suy thoái môi trường là một quá trình chậm, khó định lượng chính xác... (Le, 2013).

Ô nhiễm và suy thoái môi trường đất trong sản xuất nông nghiệp trước hết là do quá trình thâm canh trong sản xuất dẫn đến làm xáo trộn dòng năng lượng vật chất. Việc sử dụng quá nhiều phân bón, thuốc bảo vệ thực vật sẽ làm lưu lại trong đất số lượng rất lớn các chất hóa học là nguyên nhân chính làm ô nhiễm và suy thoái đất nông nghiệp (Nguyen, & Le, 2012).

Phát triển nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh là chủ trương đúng đắn của tỉnh Vĩnh Long, tỉnh đã rất chú trọng đầu tư về mọi mặt, nhất là về khoa học công nghệ, nhưng chất lượng môi trường đất trên địa bàn Tỉnh hiện nay chưa được giám sát, đánh giá một cách cụ thể. Do áp lực về gia tăng dân số, nhu cầu về sử dụng đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế, xã hội đã gây sức ép lớn đến môi trường đất Việt Nam. Trong sản xuất nông nghiệp, do tập quán canh tác của người dân nên việc sử dụng phân bón, nông dược bảo vệ thực vật không hợp lý đã tác động đến môi trường đất. Vì thế, trong những năm gần đây có nhiều dấu hiệu đáng lo ngại về ô nhiễm và suy thoái môi trường đất do ảnh hưởng của phân bón hóa học, hóa chất bảo vệ thực vật. Vấn đề này đang ngày trở nên nghiêm trọng ở Vĩnh Long khi người nông dân áp dụng những công nghệ hiện đại (như giống mới, phân hoá học, hóa chất bảo vệ thực vật, máy móc, thiết bị tưới tiêu...) khá phổ biến nhưng chưa tuân thủ các nguyên tắc cần thiết.

2.3.2. Ô nhiễm môi trường đất

- Môi trường đất trồng lúa

Kết quả khảo sát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) trong đất trồng lúa (Bảng 1) cho thấy, tại các địa điểm khảo sát hầu hết các chỉ tiêu đều có giá trị nằm trong quy chuẩn cho phép hoặc không phát hiện. Điều này cho thấy, về cơ bản việc sử dụng các

loại hóa chất khi trồng lúa của các đơn vị, cá nhân trên địa bàn là theo chỉ dẫn của cơ quan khuyến nông nên dư lượng hầu hết các chất có trong đất không phát hiện.

Tuy nhiên, một số nơi (tuy không nhiều) có một số chất thông số vượt so với quy chuẩn cho phép như: thông số Cypermethrin có 2/8 mẫu vượt từ 1,15 đến 2,65 lần; thông số Diazinon có phát hiện ở 1/8 mẫu với nồng độ 0,00249 mg/Kg; thông số Parathion có phát hiện ở 1/8 mẫu với nồng độ 0,0441 mg/Kg.

Cá biệt một số chất tồn đọng khá phổ biến, như thông số Glyphosate có ở 8/8 mẫu với nồng độ 12,6-179 mg/Kg; thông số Paraquat có 8/8 mẫu với nồng độ từ 1,05-3,9 mg/Kg; thông số Chlopyrifos ethyl có 4/8 mẫu với nồng độ từ 0,0278-1,02 mg/Kg. Tuy nhiên vì chưa so sánh với QCVN nên chúng tôi chưa có kết luận được dư lượng trên đã làm ô nhiễm, suy thoái đất hay chưa nhưng chắc chắn rằng, việc sử dụng quá nhiều về lâu dài sẽ tác động tiêu cực đến chất lượng môi trường đất.

Bảng 1. Kết quả phân tích dư lượng thuốc BTVT trong đất trồng lúa

(Đơn vị tính:mg/Kg)

STT	THÔNG SỐ	ĐL_1	ĐL_2	ĐL_3	ĐL_4	ĐL_5	ĐL_6	ĐL_7	ĐL_8	QCVN 15:2008/BTNMT
1	Endosulfan	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01
2	Diazinon	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,00249	KPH	KPH	0,05
3	Malathion	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	-
4	Fenobucarb	KPH	0,0134	KPH	0,00995	0,00264	0,00112	0,0144	0,000709	0,05
5	Cypermethrin	KPH	0,265	0,115	KPH	0,00793	0,0106	KPH	KPH	0,1
6	Dimethoate	KPH	KPH	0,0736	KPH	KPH	KPH	0,105	KPH	0,05
7	Metolachlor	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,1
8	Parathion	KPH	KPH	0,0441	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	-
9	2,4D	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,1
10	Glyphosate	12,6	179	61,1	60,2	21,8	101	22,6	23,2	-
11	Paraquat	3,9	2,87	2,53	2,9	1,47	1,05	1,68	2,61	-
12	Chlopyrifos ethyl	KPH	1,02	KPH	KPH	0,0278	KPH	0,0586	0,0443	-

(Vinh Long People's Committee, 2016)

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện
- Thời gian lấy mẫu: ngày 01 tháng 11 năm 2014
- QCVN 15: 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất
- ĐL_1: Đất trồng lúa (Khóm 3, Phường 9)
- ĐL_2: Đất trồng lúa (Thuận Phú B, Thuận An)
- ĐL_3: Đất trồng lúa (Thành Hiếu, Thành Trung)
- ĐL_4: Đất trồng lúa (An Lương A, Long An)
- ĐL_5: Đất trồng lúa (Mỹ Hạnh, Chánh An)
- ĐL_6: Đất trồng lúa (Phú Sơn A, Long Phú)
- ĐL_7: Đất trồng lúa (Gia Kiệt, Tân Mỹ)
- ĐL_8: Đất trồng lúa (An Điền I, Trung Hiếu).

- *Môi trường đất trồng cây ăn quả*

Kết quả khảo sát dư lượng thuốc BVTV trong đất trồng cây ăn quả (Bảng 2) cho thấy, hầu hết các thông số đều có giá trị nằm trong quy chuẩn cho phép hoặc không phát hiện. Tuy nhiên, thông số Malathion có phát hiện ở 1/8 mẫu với nồng độ 0,00248 mg/Kg; thông số Glyphosate có phát hiện ở 8/8 mẫu với nồng độ từ 6,8-95,6 mg/Kg; thông số Paraquat có phát hiện ở 8/8 mẫu với nồng độ từ 2,07-22,9 mg/Kg. Điều này cho thấy, nông dân đã sử dụng các loại nông dược này cho cây trồng trong thời gian dài và với liều lượng không thích hợp đã dẫn đến sự tồn lưu trong môi trường đất.

Bảng 2. Kết quả phân tích dư lượng thuốc BVTV trong đất trồng cây ăn quả

(Đơn vị tính:mg/Kg)

STT	Thông số	ĐQ_1	ĐQ_2	ĐQ_3	ĐQ_4	ĐQ_5	ĐQ_6	ĐQ_7	ĐQ_8	QCVN 15:2008/ BTNM T
1	Endosulfan	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01
2	Diazinon	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,05
3	Malathion	KPH	KPH	0,0024 8	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	-
4	Fenobucarb	KPH	0,00155	KPH	0,00452	0,00404	0,00141	KPH	KPH	0,05
5	Cypermethrin	KPH	0,0707	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,1
6	Dimethoate	KPH	0,0107	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,05
7	Metolachlor	KPH	0,000654	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,1
8	Parathion	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	-
9	2,4D	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,1
10	Glyphosate	6,8	47,2	51,5	13,3	48,3	64,8	40,2	95,6	-
11	Paraquat	3,3	10,4	2,07	3,78	8,25	22,9	5,81	11,6	-
12	Chlopyriphos ethyl	-	-	-	-	-	-	-	-	-

(Vinh Long People's Committee, 2016)

Ghi chú:

- ĐQ_1: Đất CAQ (Long Thạnh, Lục Sĩ Thành)
- ĐQ_2: Đất CAQ (Phú Lợi, Phú Thành)
- ĐQ_3: Đất CAQ (Hòa Phú, Hòa Ninh)
- ĐQ_4: Đất CAQ (Bình Hòa 1, Bình Hòa Phước)
- ĐQ_5: Đất CAQ (An Long, An Bình)
- ĐQ_6: Đất CAQ (Phú Hòa 1, Đồng Phú)
- ĐQ_7: Đất CAQ (Phước Lí II, Quới Thiện)
- ĐQ_8: Đất CAQ (Thanh Khuê, Thanh Bình).

- *Môi trường đất trồng rau màu*

Kết quả phân tích dư lượng thuốc BVTV trong đất trồng màu (Bảng 3) cho thấy, hầu hết các chỉ tiêu đều có giá trị nằm trong quy chuẩn cho phép hoặc không phát hiện. Tuy nhiên, có một số thông số vượt so với quy chuẩn cho phép như Metolachlor (có 1/4 mẫu vượt 4,69 lần); thông số Glyphosate có phát hiện ở 4/4 mẫu với nồng độ 12,9-108 mg/Kg; thông số Paraquat có phát hiện ở 4/4 mẫu với nồng độ 1,47-21,6 mg/Kg; thông số Chlopyriphos ethyl có phát hiện ở 2/4 mẫu với nồng độ 0,0473-0,0157 mg/Kg.

Bảng 3. Kết quả phân tích dư lượng thuốc BVTV trong đất trồng rau màu

(Đơn vị tính:mg/Kg)

STT	THÔNG SỐ	ĐM_1	ĐM_2	ĐM_3	ĐM_4	QCVN 15:2008/BTNMT
1	Endosulfan	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01
2	Diazinon	KPH	KPH	0,00686	KPH	0,05
3	Malathion	KPH	KPH	KPH	KPH	-
4	Fenobucarb	KPH	KPH	KPH	0,00103	0,05
5	Cypermethrin	0,0095	0,0405	KPH	0,118	0,1
6	Dimethoate	0,025	KPH	0,0424	0,0394	0,05
7	Metolachlor	0,469	0,02	0,000181	KPH	0,1
8	Parathion	KPH	KPH	KPH	KPH	-
9	2,4D	KPH	KPH	KPH	KPH	0,1
10	Glyphosate	12,9	15,2	108	68	-
11	Paraquat	21,6	3,36	8,89	1,47	-
12	Chlopyriphos ethyl	0,0473	KPH	0,0157	KPH	-

(Vinh Long People's Committee, 2016)

Ghi chú:

- ĐM_1: Đất chuyên màu (ấp Phước Hanh, xã Phước Hậu, huyện Long Hồ)
- ĐM_2: Đất chuyên màu (ấp Thành Công, xã Thành Lợi, huyện Bình Tân)
- ĐM_3: Vùng trồng khoai lang theo quy trình Việt GAP (ấp Thành Hậu, xã Thành Đông, huyện Bình Tân)
- ĐM_3: Vùng trồng khoai lang không theo quy trình Việt GAP (ấp Thành Hậu, xã Thành Đông, huyện Bình Tân)

Việc lưu tồn thuốc BVTV trong đất về lâu dài sẽ tác động tiêu cực đến môi trường đất, làm suy giảm chất lượng đất, ảnh hưởng đến vi sinh vật có trong đất. Ngoài ra thuốc BVTV sẽ đi vào các loại cây trồng trên đất, ảnh hưởng đến chất lượng hàng nông sản cũng như sức khỏe con người. Các khảo sát cho thấy, dư lượng một số chất do sản xuất nông nghiệp trên một số loại đất chưa cao nhưng cho biết sự cần thiết của việc sử dụng đúng liều lượng các loại hóa chất trong nông nghiệp.

2.3.3. Thoái hóa đất

Kết quả điều tra thoái hóa đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long năm 2014 (Bảng 4) cho thấy, toàn tỉnh có khoảng 61.401,31 ha đất bị thoái hóa chiếm 51,62% diện tích điều tra và 40,39% diện tích tự nhiên. Trong đó chia ra 3 mức độ thoái hóa như sau:

- Thoái hóa ở mức nhẹ: quy mô khá lớn, có 44.501,73ha, chiếm 37,41% diện tích điều tra và 29,27% diện tích tự nhiên. Thoái hóa nhẹ chủ yếu là do suy giảm độ phì, phèn hóa, kết von hoặc khô hạn ở mức độ nhẹ. Phân bố ở huyện Long Hồ (8853 ha), Vũng Liêm (7490 ha), Bình Tân (7112 ha), Tam Bình (6379 ha).

- Thoái hóa trung bình: quy mô khoảng 2864,79 ha, chiếm 2,40% diện tích điều tra. Thoái hóa trung bình chủ yếu là do suy giảm độ phì ở mức nhẹ và trung bình, suy giảm phèn hóa và kết von ở mức độ nhẹ. Phân bố đều ở các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh, trong đó tập trung chủ yếu ở huyện Tam Bình 773 ha, Vũng Liêm 739 ha và huyện Bình Tân 628 ha.

- Thoái hóa nặng: có 14.043,79ha, chiếm 11,80% diện tích điều tra. Thoái hóa nặng chủ yếu là do các yếu tố như: suy giảm độ phì, phèn hóa ở mức trung bình hoặc nặng và kết von ở mức độ nhẹ. Tập trung chủ yếu trên địa bàn huyện Vũng Liêm 3785 ha, Mang Thít 2994ha, Trà Ôn 2533 ha, Tam Bình 2412 ha, riêng Bình Tân và Long Hồ diện tích nhỏ hơn và không có ở TP Vĩnh Long và TX Bình Minh.

Bảng 4. Diện tích và tỉ lệ đất bị thoái hóa đất theo đơn vị hành chính

Đơn vị hành chính	Diện tích điều tra (ha)	Không thoái hóa		Các mức độ thoái hoá tính theo diện tích điều tra					
				Thoái hóa nhẹ (T1)		Thoái hóa trung bình (T2)		Thoái hóa nặng (T3)	
		Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
1. TP. Vĩnh Long	2421,75	948,48	39,17	1418,03	58,55	55,24	2,28	-	-
2. TX. Bình Minh	7033,93	3205,29	45,57	3527,12	50,14	301,52	4,29	-	-
3.H. Long Hồ	4051,31	4691,84	33,39	8853,36	63,01	-	-	506,11	3,60
4. H. Mang Thít	1438,40	4287,82	37,49	4100,73	35,85	55,15	0,48	2994,70	26,18
5. H. Tam Bình	24.654,35	15.089,64	61,20	6379,26	25,87	773,42	3,14	2412,03	9,78
6. H. Vũng Liêm	24.748,38	12.733,18	51,45	7490,97	30,27	739,09	2,99	3785,14	15,29
7. H. Trà Ôn	21.792,37	13.326,68	61,15	5620,11	25,79	311,83	1,43	2533,75	11,63
8. H. Bình Tân	2826,64	3282,89	25,59	7112,15	55,45	628,54	4,90	1803,06	14,06
Tổng số (ha)	118.967,13	57.565,82	48,39	44.501,73	37,41	2.864,79	2,40	14.034,79	11,80

(Vĩnh Long People's Committee, 2016)

2.4. Một số giải pháp chủ yếu nhằm giảm thiểu ô nhiễm và thoái hóa môi trường đất trong sản xuất nông nghiệp ở Vĩnh Long

Đẩy mạnh các biện pháp bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm, từ các vùng đô thị, nông thôn, du lịch, đặc biệt là trong nông nghiệp cần phải tiến hành đồng bộ các giải pháp chính như:

- Xây dựng cơ cấu mùa vụ sản xuất trồng trọt hợp lí, sử dụng các giống kháng sâu rầy, bón phân hữu cơ vi sinh, giảm lượng phân hóa học và thuốc bảo vệ thực vật, loại bỏ các thuốc có độc tố bị cấm sử dụng. Tăng cường biện pháp phòng trừ sâu bệnh tổng hợp IPM, xây dựng quy trình sản xuất các sản phẩm an toàn, tiến tới sản xuất sản phẩm sạch.

- Về chăn nuôi cần tổ chức khoanh vùng nuôi gia súc, gia cầm có kiểm soát dịch bệnh, có chuồng trại hợp vệ sinh, xa khu dân cư, tôn trọng nghiêm ngặt quy trình chăn nuôi an toàn dịch bệnh, phát triển chăn nuôi an toàn sinh học.

- Quan điểm có tính chiến lược bao trùm lên nội dung – phương pháp của phương án quy hoạch phát triển nông nghiệp là sử dụng hợp lí điều kiện tự nhiên và tài nguyên, góp phần cải tạo, bảo vệ môi trường sinh thái. Do vậy, nền tảng của các phương án là dựa vào việc tối ưu hóa sử dụng tài nguyên đất – nước – khí hậu – thủy văn – sinh vật. Đây được coi là vấn đề cốt lõi đảm bảo cho nông nghiệp hàng hóa phát triển bền vững (Duong Ngoc Thanh, 2005).

- Hoạt động sản xuất nông nghiệp sẽ mạnh dạn đưa công nghệ sinh học vào sản xuất trên diện rộng cả trồng – bảo quản – chế biến với hướng đi ban đầu của “một nền nông nghiệp sạch” (Ministry of Agriculture and Rural Development, 2016). Đó cũng là cơ sở cho giải pháp bảo vệ tốt môi trường.

- Phát triển du lịch sinh thái vườn nhằm góp phần gìn giữ cảnh quan mang đậm bản sắc văn hóa của vùng sông nước đồng bằng sông Cửu Long, góp phần gìn giữ môi trường sống.

- Định hướng lâu dài của việc bảo vệ môi trường là gia tăng biện pháp tuyên truyền, vận động đến từng người dân tôn trọng quy luật tự nhiên, có ý thức bảo vệ và chống làm suy thoái môi trường ngay trong sản xuất và sinh hoạt hàng ngày.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về môi trường trong toàn xã hội nhằm tạo sự chuyển biến và nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật BVMT, trách nhiệm xã hội của người dân, doanh nghiệp trong việc gìn giữ và BVMT; xây dựng ý thức sinh thái, làm cho mọi người nhận thức một cách tự giác về vị trí, vai trò, mối quan hệ mật thiết giữa tự nhiên – con người – xã hội. Đi đôi với công tác tuyên truyền, giáo dục cần tăng cường hơn nữa vai trò của các cơ quan quản lí nhà nước về vấn đề này trên các địa bàn nông thôn, như các cấp chính quyền địa phương, các cơ quan quản lí và BVMT, các cơ sở y tế, các tổ chức đoàn thể có liên quan để đảm bảo cho công tác tuyên truyền, giáo dục và thực thi các

biện pháp BVMT, bảo vệ và nâng cao sức khỏe, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn có hiệu quả hơn.

3. Kết luận

Phát triển nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh là chủ trương đúng đắn phù hợp với xu thế hiện nay, nhưng trong quá trình phát triển cần chú ý giám sát ô nhiễm và suy thoái môi trường đất (tư liệu sản xuất nông nghiệp) mới đảm bảo phát triển bền vững.

Nguyên nhân chính của ô nhiễm và suy thoái môi trường đất nông nghiệp theo xu hướng tăng trưởng xanh là do sử dụng không hợp lí các loại phân bón và thuốc bảo vệ thực vật vì thế cần sử dụng theo khuyến cáo của các cơ quan chuyên ngành có liên quan.

Hiện trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường đất nông nghiệp tại tỉnh Vĩnh Long là có nhưng chưa đến mức báo động. Tuy nhiên, kết quả khảo sát nhắc nhở các cơ quan ban ngành và người dân cần quan tâm hơn nữa các nguyên tắc sử dụng các loại phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình sản xuất.

Cần thiết phải có một số giải pháp đồng bộ, lâu dài nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường trong quá trình phát triển nền nông nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh, giúp Vĩnh Long thành vùng nông nghiệp xanh, nông thôn trù phú, sử dụng hữu ích tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ tốt môi trường.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Duong Ngoc Thanh (2005). *Agricultural restructuring after years of renovation in the coastal area of the Mekong Delta*. Mekong Delta Development Research Institute.
- Le Huy Ba (2013). *Environmental Geography*. Ha Noi: Education Publishing House.
- Ministry of Agriculture and Rural Development, Institute of Agricultural Design Planning. (2016). *Statistics Agriculture, forestry and fishery 2015*. Ha Noi.
- Nguyen Minh Tue, & Le Thong. (2012). *Geography of Agriculture - forestry - fishery Vietnam*. Ha Noi: University of Education Publishing House.
- Vinh Long People's Committee. (2016). *Agricultural development planning of Vinh Long province till 2030*. Vinh Long.
- Vinh Long Statistical Office. (2017). *Statistical yearbook 2016*. Vinh Long: National Culture Publishing House.

**CURRENT SITUATION AND LAND ENVIRONMENT
IN AGRICULTURAL DEVELOPMENT IN VINH LONG PROVINCE**

Huynh Phi Yen

High school Nguyen Thong – Vinh Long province

Corresponding author: Huynh Phi Yen – Email: phiyenhuynh007@gmail.com

Received: December 27, 2018; Revised: March 21, 2019; Accepted: July 16, 2019

ABSTRACT

Vinh Long is a province with many strengths to develop a comprehensive agriculture with multi-cultivation and intensive farming using modern and updated production models. However, agricultural development in Vinh Long province has recently had a great impact on the environment, the production and the life of local people. The paper analyzes the current status of soil and water pollution during agricultural development in Vinh Long province, identifies the main causes of the pollution, and suggests some solutions.

Keywords: pollution, soil environment, water environment, agriculture, Vinh Long Province.